

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 11 kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

##### 1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

- Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các doanh nghiệp nhà nước (*cơ quan, đơn vị, địa phương*) trên địa bàn tỉnh quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện các quy định, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như:

+ Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đả độn sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP; Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng

Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/1/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

+ Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 11/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 21/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác thanh tra; Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Thái Nguyên năm 2020.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Mở rộng các hình thức tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và cơ quan; lồng ghép tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị cán bộ công nhân viên chức của cơ quan.

Các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo địa phương luôn bám sát, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước tới đông đảo nhân dân trong tỉnh.

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của cơ quan, đơn vị mình với những chỉ tiêu, định mức cụ thể, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chấp hành nghiêm Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; ban hành Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên, theo đó giao các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện việc tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên.

### **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành, cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong 6 tháng đầu năm 2020, toàn ngành thanh tra đã thực hiện 87 cuộc thanh tra, kiểm tra kinh tế - xã hội, theo đó, kiến nghị xử lý các hình thức về kinh tế là 13.423,3 triệu đồng, đã xử lý các hình thức về kinh tế là 1.615,7 triệu đồng. Công tác thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được lồng ghép vào các cuộc thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

Tăng cường vai trò của Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan sử dụng ngân sách, của cộng đồng dân cư trong xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách và vốn dân đóng góp.

## **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

### **1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực**

#### **a) THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

Các cơ quan chuyên môn đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Trung ương ban hành; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ với định mức chi không vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Nhà nước. 6 tháng đầu năm đã thẩm định 11 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức thực hiện các nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế xã hội và quy định tiêu chuẩn, chế độ, định mức trên địa bàn tỉnh.

#### **b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2020, cụ thể như sau:

Ngay từ đầu năm thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ 276.928 triệu đồng. Trong đó:

+ Khối tỉnh: 137.919 triệu đồng;

+ Khối huyện, thành phố, thị xã: 139.009 triệu đồng.

- Tiết kiệm tối thiểu 12% các khoản kinh phí hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, sử dụng xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí; tiết kiệm triệt để trong quản lý, sử dụng kinh phí của đề tài nghiên cứu khoa học, không đề xuất, phê duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học với nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi. Kết quả đã tiết kiệm được 2.674 triệu đồng, trong đó:

+ Tiết kiệm văn phòng phẩm: 175 triệu đồng, cước phí thông tin liên lạc: 163 triệu đồng;

+ Tiết kiệm sử dụng điện: 169 triệu đồng, xăng dầu: 151 triệu đồng, nước sạch: 118 triệu đồng;

+ Tiết kiệm công tác phí: 269 triệu đồng; tổ chức hội nghị, hội thảo: 1.160 triệu đồng; chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm: 249 triệu đồng;

+ Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc: 221 triệu đồng.

- Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, đơn vị: 1.085 triệu đồng.

- Tiết kiệm chi đối với việc cử các đoàn đi công tác nước ngoài: Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính, triệt để tiết kiệm chi; chỉ sử dụng ngân sách nhà nước chi hoạt động đoàn công tác nước ngoài theo dự toán được phê duyệt, không phát sinh dự toán bổ sung; kinh phí chi cho các đoàn công tác thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư của tỉnh đối với Quốc tế chủ yếu sử dụng nguồn xã hội hóa.

- Tăng cường triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay đã có 34 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, 160 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp và tăng cường tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, khả năng tài chính.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần tại 04 đơn vị: Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Thái Nguyên, Trung tâm Kiểm định chất lượng và Tư vấn xây dựng giao thông Thái Nguyên, Viện Quy hoạch Thái Nguyên, Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu:

+ Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu được phân bổ, thẩm định, quản lý sử dụng đúng quy định.

+ Chương trình xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới bảo đảm chất lượng, tiến độ. Tập trung các nguồn lực cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, 6 tháng đầu năm thực hiện thẩm định đề nghị công nhận 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; sớm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 101 xã đạt 19/19 tiêu chí; trong đó có 88 xã (61,5%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (bao gồm 04 xã đã chuyển thành phường, thị trấn), tăng 48 xã so với năm 2015. Có 3/9 đơn vị cấp huyện (33,33%) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận). Có 13 xóm đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận đạt xóm nông thôn mới kiểu mẫu (trong đó có 5/9 xóm theo Quyết định số 3046/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách trong 09 xóm đăng ký xây dựng “xóm nông thôn mới kiểu mẫu”).

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức thuộc khu vực nhà nước

Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh và thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh. Hiện nay đang triển khai mua sắm tập trung 02 gói thầu: 01 gói thầu máy điều hòa (649 chiếc, giá gói thầu 6.985 triệu đồng) và 01 gói thầu máy phô tô (30 chiếc, giá gói thầu 2.158 triệu đồng).

Thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô công tác, xe chuyên dùng theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/1/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Đến 15/5/2020 đã tiến hành thanh lý 20 xe ô tô các loại và 03 xe mô tô; điều chuyển 05 xe ô tô các loại; mua mới 03 xe ô tô (1 xe công tác, 02 xe chuyên dùng).

d) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ

- Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; triển khai thực hiện các quy định theo Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước có hiệu lực từ 10/4/2020.

Trong đầu tư xây dựng, số kinh phí tiết kiệm được là 43.959 triệu đồng, bao gồm:

- + Tiết kiệm thẩm định phê duyệt dự toán, tổng dự toán: 19.474 triệu đồng;
- + Tiết kiệm thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: 4.166 triệu đồng;
- + Tiết kiệm thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 20.319 triệu đồng.

- Tổng diện tích trụ sở làm việc của các cơ quan đơn vị nhà nước trên địa bàn tính là 15.209.822 m<sup>2</sup>. Trụ sở làm việc và nhà công vụ được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

đ) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Về quản lý đất đai:

Việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, sử dụng ổn định, lâu dài cho các tổ chức, các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giao đất, cho thuê đất đúng đối tượng, đúng mục đích nhằm thực hiện tiết kiệm tài nguyên, hạn chế lãng phí trong sử dụng đất đai. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 32 hồ sơ, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh 19 hồ sơ; trả lại: 10 hồ sơ; đang thẩm định: 07 hồ sơ. Giao đất tại thực địa cho 09 dự án, đảm bảo kịp thời cho nhà đầu tư triển khai dự án với diện tích 4,35 ha; ký 19 hợp đồng thuê đất.

- Về quản lý tài nguyên khoáng sản:

+ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, truy quét, giải tỏa các hoạt động khoáng sản trái phép qua đó góp phần đưa hoạt động khoáng sản

đi vào nề nếp, ngăn chặn được hoạt động khoáng sản trái phép bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Trong 5 tháng, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp với các ngành tiến hành 03 cuộc kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản đất san lấp, cát sỏi trái phép trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên và huyện Phú Bình.

+ Tổ chức Hội nghị tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 04 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức Hội nghị đấu giá quyền khai thác khoáng sản và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 02 Quyết định công nhận trúng đấu giá (01 khu vực đất san lấp, 01 khu vực đá cát kết). Thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 03 Giấy phép thăm dò khoáng sản; 05 Quyết định phê duyệt trữ lượng; 06 Giấy phép khai thác khoáng; 01 Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (01 mỏ photphorit); 01 Quyết định đóng cửa mỏ (01 mỏ sắt). Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 02 giấy phép khai thác.

- Về quản lý tài nguyên nước:

Thực hiện Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước, triển khai dự án quy hoạch quản lý tài nguyên nước mặt, nước ngầm, trên cơ sở đó thực hiện tốt công tác cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước một cách hợp lý, tiết kiệm.

- Về quản lý tài nguyên rừng:

Thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng. Chấp hành nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên theo Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chỉ đạo: “Dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên trên phạm vi cả nước”. Độ che phủ rừng được duy trì, không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác. Triển khai tuyên truyền Luật Lâm nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành tạo sự thống nhất về mặt nhận thức trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, nâng cao ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2020, đã phát hiện và xử lý 07 vụ vi phạm, trong đó xử lý hành chính 07 vụ; tịch thu 64,957 m<sup>3</sup> gỗ quy tròn, 06 phương tiện các loại; thu nộp ngân sách nhà nước 316,7 triệu đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính:

Qua thanh tra, kiểm tra, đã truy thu số tiền 700,35 triệu đồng; kiến nghị thu hồi 160m<sup>2</sup> đất; xử phạt, xử lý vi phạm số tiền 743,5 triệu đồng. Cụ thể:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra 26 cuộc theo kế hoạch và đột xuất đối với 51 tổ chức, cá nhân. Truy thu tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản của 14 đơn vị với số tiền 700,35 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 160m<sup>2</sup> đất của 01 đơn vị. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với 07 tổ chức, cá nhân số tiền 316 triệu đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của 01 cá nhân trị giá 48 triệu đồng; yêu cầu 01 tổ chức nộp 28,5 triệu đồng tiền khắc phục hậu quả;

+ Huyện Đại Từ xử phạt 10 trường hợp sử dụng đất sai mục đích, tổng số tiền phạt là 105 triệu đồng; xử lý vi phạm hành chính 03 vụ trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, số tiền phạt là 25 triệu đồng;

+ Huyện Phú Lương tiến hành kiểm tra và xử phạt 17 trường hợp vi phạm trong sử dụng đất trên địa bàn, số tiền xử phạt là 77,5 triệu đồng;

+ Huyện Võ Nhai xử phạt 06 vụ vi phạm trong lĩnh vực đất đai với diện tích 140m<sup>2</sup>, số tiền xử phạt là 34 triệu đồng;

+ Huyện Đồng Hỷ xử lý 3000m<sup>2</sup> đất vi phạm, đất hoang hóa, số tiền xử phạt là 14 triệu đồng.

e) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm:

- Tổ chức lại Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm;
- Thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Thái Nguyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương, Sở Tài chính;
- Phê duyệt phương án tự chủ tài chính gian đoạn 2019 - 2021 của Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên;
- Giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của tỉnh Thái Nguyên năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị: Cắt giảm 43 biên chế công chức, 689 viên chức và 6 hợp đồng theo Nghị định 68;
- Phê duyệt 30 đối tượng tinh giản biên chế đợt 2/2020.

g) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 03 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (gồm Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên, Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Thái Nguyên, Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên). Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả. Kết quả 6 tháng đầu năm 2020, tiết kiệm 4.748 Kw/h điện, 1.898 lít xăng dầu, 180 triệu đồng chi phí quản lý.

Tiếp tục công tác cổ phần hóa hai doanh nghiệp: Công ty TNHH nhà nước MTV Lâm nghiệp Đại Từ, Công ty TNHH MTV Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên.

Thực hiện tái cơ cấu Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

h) THPTK, CLP trong thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Từng bước đổi mới cơ chế tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài

ngân sách theo mô hình tự đảm bảo chi phí hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thái Nguyên; kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Thái Nguyên; công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động chữ thập đỏ huyện Phú Lương.

i) THTK, CLP trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Vận động, tuyên truyền, triển khai công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí sâu rộng đến các đoàn thể, tổ chức quần chúng, các thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư. Tuyên truyền và vận động nhân dân tham gia các chương trình sử dụng tiết kiệm điện, nước, chương trình “Giờ trái đất”, người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam gắn với thực hiện có hiệu quả chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi và khu công nghiệp.

Tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, quy định việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí**

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

## **3. Phân tích, đánh giá**

Công tác phổ biến, tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Các cơ quan, địa phương đã thực hiện tương đối tốt việc xây dựng và triển khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của cơ quan, đơn vị, địa phương. Thông qua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao ý thức chấp hành chính sách pháp luật nói chung và pháp luật tài chính ngân sách nói riêng.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

1. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiếp tục tuyên truyền “Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; thường xuyên thông tin, biểu dương các điển hình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tăng cường thực hiện cải cách hành chính gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực. Thực hiện nghiêm cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh dịch Covid-19. Cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020, đặc biệt là các khoản chi mua sắm chưa thực sự cần thiết.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thông tin tuyên truyền, triển khai và tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Thực hiện tốt việc công khai theo quy định pháp luật nhất là công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước; nâng cao hiệu quả giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị qua thanh tra, kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm và chấn chỉnh công tác quản lý, thu hồi tài sản nhà nước.

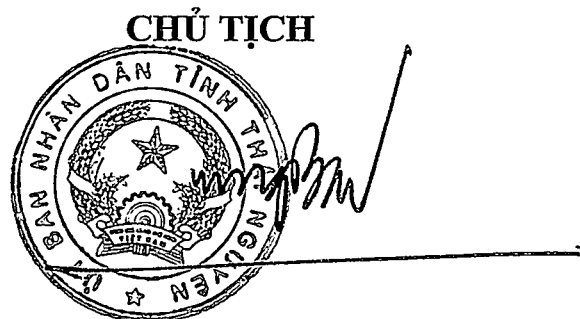
### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị các Bộ, Ban, Ngành xây dựng các Nghị định quy định cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo; y tế; giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin, truyền thông và báo chí phù hợp với lộ trình của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập để các cơ quan, đơn vị, địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 11 theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.



**Vũ Hồng Bắc**



**PHỤ LỤC**

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Báo cáo số 94 /BC-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo	So sánh (%)
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)
I	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>	triệu đồng			
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>	triệu đồng			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	262.104	276.928	106
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng		1.110	
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng		262	
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>	triệu đồng			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Triệu đồng	2.353	2.674	114
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	140	175	125
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	93	163	175
	Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	127	169	133
	Tiết kiệm xăng, dầu	Triệu đồng	168	151	90
	Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	49	118	241
	Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	197	269	136
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Triệu đồng	138	1.160	841
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Triệu đồng	263	249	95
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	Triệu đồng		221	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Triệu đồng			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	1.871	1.085	
2.4	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng			
2.5	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng			
3	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>				
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo	So sánh (%)
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)
II	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>	triệu đồng			
1	<b>Phương tiện đi lại ( ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>				
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	325	274	84
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc		3	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc		23	
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc	325	254	78
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc			
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng			
2	<b>Tài sản khác</b>				
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản		26	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng			
III	<b>Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>	triệu đồng			
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>	triệu đồng			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	41.373	43.959	106
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	28.965	19.474	67
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	2.054	4.166	203
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	10.354	20.319	196
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án			
2	<b>Trụ sở làm việc</b>				
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	15.223.204	15.209.822	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2		15.209.822	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2			
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2			



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo	So sánh (%)
1		3	4	5	(6)=(5)/(4)
3	<b>Nhà công vụ</b>				
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2		32.098	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2		32.098	
IV	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>				
1	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>				
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	11.715	3.300	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	11.715	245	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	1.037	598,5	
1.4	Các nội dung khác				
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>				
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	5	3	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	185	145	
V	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>				
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>	triệu đồng			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	9	155	1.761
	Tiết kiệm điện	Kw/h	3.200	4.748	148
	Tiết kiệm xăng, dầu	lít	51	1.898	3.722
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	120	180	150
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng			
2	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>	triệu đồng			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án			
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo	So sánh (%)
1	2	3	4	5	(6)=(5)/(4)
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>			
3	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>				
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>			
4	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>				
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con				
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>	4		
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>			
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>			
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	<i>chiếc</i>			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>			
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>			
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>			
5	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>				
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	70	70	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>	70	70	
6	<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>		85.119	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>		85.119	
VI	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP (lồng ghép nội dung thanh tra THPT, CLP trong các cuộc thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành)</b>				
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	<i>cuộc</i>	178	87	49
2	Số kiến nghị xử lý qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát	<i>triệu đồng</i>	4.892	13.423	274
3	Tổng giá trị tiền, tài sản vi phạm đã xử lý, thu hồi	<i>triệu đồng</i>	4.018	1.616	40